

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ THỰC TẬP CHUYÊN NGÀNH  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026**

| STT | Mã sv   | Họ đệm          | Tên   | Lớp      | Mã HP đăng ký | Tên HP                          |
|-----|---------|-----------------|-------|----------|---------------|---------------------------------|
| 1   | 6666878 | Ngô Thị Hoài    | An    | K66CNPMA | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 2   | 6655434 | Trần Hải        | Đăng  | K66CNPMA | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 3   | 6655014 | Phạm Trung      | Đức   | K66CNPMA | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 4   | 6665542 | Nguyễn Quốc     | Khánh | K66CNPMA | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 5   | 6654817 | Phạm Thanh      | Hải   | K66CNPMB | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 6   | 6660418 | Nguyễn Thành    | Lâm   | K66CNPMB | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 7   | 6662476 | Trần Nhật       | Minh  | K66CNPMB | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 8   | 6662541 | Trần Hữu Nam    | Phong | K66CNPMB | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 9   | 6652301 | Ngô Mạnh        | Toàn  | K66CNPMC | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 10  | 6654512 | Nguyễn Văn      | Việt  | K66CNPMC | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 11  | 6660649 | Đỗ Quang        | Dũng  | K66CNTTA | TH03298       | Thực tập chuyên ngành CNTT1     |
| 12  | 6651995 | Lê Tuấn         | Hùng  | K66CNTTA | TH03299       | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 13  | 6667002 | Hoàng Văn       | Tú    | K66CNTTA | TH03299       | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 14  | 6661187 | Nguyễn Ngọc     | Tú    | K66CNTTA | TH03298       | Thực tập chuyên ngành CNTT1     |
| 15  | 6650992 | Đoàn Tất        | Vinh  | K66CNTTA | TH03299       | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 16  | 6667721 | Trần Anh        | Đăng  | K66CNTTB | TH03299       | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 17  | 6650714 | Đinh Trọng Công | Đạt   | K66CNTTC | TH03299       | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 18  | 6653154 | Nguyễn Phúc     | Hậu   | K66CNTTC | TH03299       | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 19  | 6654317 | Nguyễn Tuấn     | Anh   | K66MMTA  | TH03599       | Thực tập chuyên ngành ngành MMT |
| 20  | 671167  | Đoàn Diệu       | Anh   | K67CNPMA | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 21  | 671317  | Tạ Minh         | Đức   | K67CNPMA | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 22  | 671476  | Nguyễn Duy      | Hoàng | K67CNPMA | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 23  | 671635  | Nguyễn Đức      | Long  | K67CNPMA | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |
| 24  | 671845  | Nguyễn Minh     | Tân   | K67CNPMA | TH03199       | Thực tập chuyên ngành CNPM      |

|    |        |                  |        |          |         |                             |
|----|--------|------------------|--------|----------|---------|-----------------------------|
| 25 | 671357 | Vũ Hải           | Dương  | K67CNPMB | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 26 | 671669 | Bùi Duy          | Minh   | K67CNPMB | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 27 | 671144 | Phạm Mai         | Anh    | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 28 | 671241 | Hoàng Thị        | Chúc   | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 29 | 671397 | Nguyễn Ngọc      | Hải    | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 30 | 671522 | Nguyễn Văn       | Huỳnh  | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 31 | 671645 | Trần Hải         | Long   | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 32 | 671673 | Biện Văn         | Minh   | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 33 | 671689 | Nguyễn Hoàng Trà | My     | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 34 | 671740 | Nguyễn Đăng      | Nguyên | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 35 | 671757 | Lê Xuân          | Phát   | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 36 | 671838 | Trương Bá        | Tài    | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 37 | 671987 | Nguyễn Văn       | Tú     | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 38 | 672003 | Nguyễn Minh      | Tuấn   | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 39 | 672022 | Vương Thanh      | Tùng   | K67CNPMC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM  |
| 40 | 671142 | Lê Trần Duy      | Anh    | K67CNTTA | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 41 | 671187 | Nguyễn Hoàng     | Anh    | K67CNTTA | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 42 | 671188 | Nguyễn Huy       | Anh    | K67CNTTA | TH03298 | Thực tập chuyên ngành CNTT1 |
| 43 | 671270 | Bùi Thế Mạnh     | Đạt    | K67CNTTA | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 44 | 671326 | Hoàng Anh        | Dũng   | K67CNTTA | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 45 | 671737 | Đinh Thị Thảo    | Nguyên | K67CNTTA | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 46 | 671794 | Lê Văn           | Quân   | K67CNTTA | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 47 | 671841 | Đinh Thanh       | Tâm    | K67CNTTA | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 48 | 671901 | Phạm Văn         | Thế    | K67CNTTA | TH03298 | Thực tập chuyên ngành CNTT1 |
| 49 | 671997 | Đới Mạnh         | Tuấn   | K67CNTTA | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 50 | 671229 | Lê Thanh         | Bình   | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 51 | 671252 | Chu Danh         | Cường  | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 52 | 671272 | Đỗ Thành         | Đạt    | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 53 | 671285 | Vũ Bách          | Đạt    | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 54 | 671324 | Đỗ Việt          | Dũng   | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |

|    |        |               |        |          |         |                             |
|----|--------|---------------|--------|----------|---------|-----------------------------|
| 55 | 671330 | Nguyễn Anh    | Dũng   | K67CNTTB | TH03298 | Thực tập chuyên ngành CNTT1 |
| 56 | 671345 | Trịnh Tùng    | Dương  | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 57 | 671373 | Đinh Thu      | Duyên  | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 58 | 671388 | Nguyễn Việt   | Hà     | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 59 | 671401 | Phan Văn      | Hải    | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 60 | 671455 | Lê Huy        | Hiệu   | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 61 | 671506 | Bùi Duy       | Hung   | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 62 | 671507 | Đinh Duy      | Hung   | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 63 | 671531 | Đỗ Văn        | Huy    | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 64 | 671552 | Nguyễn Ngọc   | Huyền  | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 65 | 671584 | Vũ Văn        | Khương | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 66 | 671606 | Phan Thị Ngọc | Lan    | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 67 | 671623 | Vũ Tuấn       | Linh   | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 68 | 671674 | Bùi Ngọc      | Minh   | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 69 | 671675 | Dương Tuấn    | Minh   | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 70 | 671691 | Lê Thị Trà    | My     | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 71 | 671724 | Vì Văn        | Nghĩa  | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 72 | 671736 | Đinh An Chí   | Nguyên | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 73 | 671764 | Lê Dương      | Phong  | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 74 | 671768 | Tạ Quang      | Phú    | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 75 | 671789 | Chu Công      | Quân   | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 76 | 671786 | Văn Khánh     | Quân   | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 77 | 671813 | Kiều Ngọc     | Quyền  | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 78 | 671886 | Lê Tiến       | Thành  | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 79 | 671889 | Nguyễn Việt   | Thành  | K67CNTTB | TH03298 | Thực tập chuyên ngành CNTT1 |
| 80 | 671911 | Nguyễn Thị    | Thom   | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 81 | 671954 | Nguyễn Văn    | Trọng  | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 82 | 671974 | Nguyễn Anh    | Trường | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 83 | 671968 | Vũ Hữu        | Trường | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |
| 84 | 671989 | Nguyễn Kim    | Tuân   | K67CNTTB | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2 |

|     |        |                 |       |          |         |                              |
|-----|--------|-----------------|-------|----------|---------|------------------------------|
| 85  | 672020 | Nguyễn Văn      | Tùng  | K67CNTTB | TH03298 | Thực tập chuyên ngành CNTT1  |
| 86  | 671148 | Chữ Việt        | Anh   | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 87  | 671166 | Đặng Trần       | Anh   | K67CNTTC | TH03298 | Thực tập chuyên ngành CNTT1  |
| 88  | 671173 | Hoàng Duy       | Anh   | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 89  | 671149 | Nguyễn Đức Tuấn | Anh   | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 90  | 671184 | Nguyễn Hải      | Anh   | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 91  | 671196 | Nguyễn Tuấn     | Anh   | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 92  | 671201 | Nguyễn Việt     | Anh   | K67CNTTC | TH03199 | Thực tập chuyên ngành CNPM   |
| 93  | 671231 | Nguyễn Thanh    | Bình  | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 94  | 671254 | Nguyễn Kiên     | Cường | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 95  | 671271 | Bùi Tiến        | Đạt   | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 96  | 671277 | Lê Thành        | Đạt   | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 97  | 671278 | Nguyễn Công     | Đạt   | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 98  | 671284 | Trịnh Tiến      | Đạt   | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 99  | 671359 | Lê Anh          | Duy   | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 100 | 671390 | Vũ Trung        | Hà    | K67CNTTC | TH03298 | Thực tập chuyên ngành CNTT1  |
| 101 | 671394 | Dương Tuấn      | Hải   | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 102 | 671411 | Đào Văn         | Hiên  | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 103 | 671418 | Vũ Đức          | Hiên  | K67CNTTC | TH03298 | Thực tập chuyên ngành CNTT1  |
| 104 | 671432 | Hoàng Minh      | Hiếu  | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 105 | 671435 | Nguyễn Duy      | Hiếu  | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 106 | 671521 | Nguyễn Thị      | Hường | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 107 | 671563 | Nguyễn Tuấn     | Khải  | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 108 | 671582 | Đoàn Ngọc       | Khuê  | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 109 | 671587 | Đỗ Trung        | Kiên  | K67CNTTC | TH03298 | Thực tập chuyên ngành CNTT1  |
| 110 | 671640 | Nguyễn Quang    | Long  | K67CNTTC | TH03298 | Thực tập chuyên ngành CNTT1  |
| 111 | 671646 | Trần Quý        | Long  | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 112 | 671666 | Lý Tà           | Mây   | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT 2 |
| 113 | 671681 | Lê Hữu Quang    | Minh  | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2  |
| 114 | 671685 | Ngô Nhật        | Minh  | K67CNTTC | TH03298 | Thực tập chuyên ngành CNTT 1 |

|     |        |                 |       |          |         |                                 |
|-----|--------|-----------------|-------|----------|---------|---------------------------------|
| 115 | 671686 | Nguyễn Quang    | Minh  | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT 2    |
| 116 | 671728 | Nguyễn Thị Bích | Ngọc  | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 117 | 671750 | Nguyễn Thị      | Nhung | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 118 | 671787 | Nguyễn Lê Minh  | Quân  | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 119 | 671809 | Nguyễn Phú      | Quang | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 120 | 671951 | Nguyễn Đức      | Trọng | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT 2    |
| 121 | 671952 | Nguyễn Như      | Trọng | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 122 | 671966 | Trần Quốc       | Trung | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 123 | 672007 | Thân Minh       | Tuấn  | K67CNTTC | TH03299 | Thực tập chuyên ngành CNTT2     |
| 124 | 671369 | Nguyễn Thế      | Duy   | K67HTTTA | TH03399 | Thực tập chuyên ngành HTTT      |
| 125 | 671603 | Tô Tùng         | Lâm   | K67HTTTA | TH03399 | Thực tập chuyên ngành HTTT      |
| 126 | 671147 | Hà Việt         | Anh   | K67HTTTB | TH03399 | Thực tập chuyên ngành HTTT      |
| 127 | 671180 | Nguyễn Đức      | Anh   | K67HTTTB | TH03399 | Thực tập chuyên ngành HTTT      |
| 128 | 671559 | Nguyễn Quang    | Khải  | K67HTTTB | TH03399 | Thực tập chuyên ngành HTTT      |
| 129 | 671688 | Trần Hoàng      | Minh  | K67HTTTB | TH03399 | Thực tập chuyên ngành HTTT      |
| 130 | 672009 | Trần Quốc       | Tuấn  | K67HTTTB | TH03399 | Thực tập chuyên ngành HTTT      |
| 131 | 671705 | Nguyễn Hải      | Nam   | K67HTTTC | TH03399 | Thực tập chuyên ngành HTTT      |
| 132 | 671756 | Phan Huy        | Pháp  | K67HTTTC | TH03399 | Thực tập chuyên ngành HTTT      |
| 133 | 671851 | Lục Quang       | Thái  | K67HTTTC | TH03399 | Thực tập chuyên ngành HTTT      |
| 134 | 671224 | Nguyễn Thị Ngọc | Bích  | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT |
| 135 | 671256 | Nguyễn Mạnh     | Cường | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT |
| 136 | 671286 | Nguyễn Thị Ngọc | Diễm  | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT |
| 137 | 671338 | Nguyễn Văn      | Dũng  | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT |
| 138 | 671347 | Đoàn Như        | Dương | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT |
| 139 | 671387 | Dương Văn       | Hà    | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT |
| 140 | 671395 | Đặng Quốc       | Hải   | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT |
| 141 | 671523 | Vũ Văn          | Hữu   | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT |
| 142 | 671537 | Nguyễn Khắc     | Huy   | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT |
| 143 | 671586 | Đỗ Trung        | Kiên  | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT |
| 144 | 671657 | Đinh Ngọc       | Mai   | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT |

|     |        |                   |       |          |         |                                         |
|-----|--------|-------------------|-------|----------|---------|-----------------------------------------|
| 145 | 671706 | Nguyễn Hoàng      | Nam   | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT         |
| 146 | 671793 | Lê Minh           | Quân  | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT         |
| 147 | 671950 | Bùi Đức           | Trọng | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT         |
| 148 | 671991 | Trịnh Anh         | Tuấn  | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT         |
| 149 | 672066 | Ngô Hải           | Yến   | K67MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT         |
| 150 | 671169 | Giang Việt        | Anh   | K67TTNTA | TH03698 | Thực tập chuyên ngành 1 ngành KHDL&TTNT |
| 151 | 671178 | Lại Việt          | Anh   | K67TTNTA | TH03699 | Thực tập chuyên ngành 2 ngành KHDL&TTNT |
| 152 | 671143 | Nguyễn Ngọc Bảo   | Anh   | K67TTNTA | TH03699 | Thực tập chuyên ngành 2 ngành KHDL&TTNT |
| 153 | 671195 | Nguyễn Thị Ngọc   | Anh   | K67TTNTA | TH03699 | Thực tập chuyên ngành 2 ngành KHDL&TTNT |
| 154 | 671222 | Hán Văn           | Bảo   | K67TTNTA | TH03699 | Thực tập chuyên ngành 2 ngành KHDL&TTNT |
| 155 | 671479 | Nguyễn Trọng Phạm | Hoàng | K67TTNTA | TH03698 | Thực tập chuyên ngành 1 ngành KHDL&TTNT |
| 156 | 671749 | Phạm Thế          | Nhật  | K67TTNTA | TH03698 | Thực tập chuyên ngành 1 ngành KHDL&TTNT |
| 157 | 671949 | Trịnh Bá Khánh    | Trình | K67TTNTA | TH03699 | Thực tập chuyên ngành 2 ngành KHDL&TTNT |
| 158 | 672026 | Cao Thị Tú        | Uyên  | K67TTNTA | TH03699 | Thực tập chuyên ngành 2 ngành KHDL&TTNT |
| 159 | 672047 | Nguyễn Thành      | Vinh  | K67TTNTA | TH03699 | Thực tập chuyên ngành 2 ngành KHDL&TTNT |
| 160 | 681155 | Đặng Dương        | Huy   | K68CNTTD | TH03996 | Thực tập chuyên ngành ngành CNTT        |
| 161 | 687602 | Nguyễn Thị Hồng   | Hạnh  | K68CNTTF | TH03996 | Thực tập chuyên ngành ngành CNTT        |
| 162 | 687644 | Bùi Đỗ Quốc       | Huy   | K68CNTTF | TH03996 | Thực tập chuyên ngành ngành CNTT        |
| 163 | 687692 | Trần Thị Thùy     | Linh  | K68CNTTF | TH03996 | Thực tập chuyên ngành ngành CNTT        |
| 164 | 687809 | Nguyễn Đức        | Thắng | K68CNTTF | TH03996 | Thực tập chuyên ngành ngành CNTT        |
| 165 | 687840 | Nguyễn Văn        | Trọng | K68CNTTF | TH03996 | Thực tập chuyên ngành ngành CNTT        |
| 166 | 687569 | Lã Tiến           | Đạt   | K68MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT         |
| 167 | 682606 | Đinh Quang        | Hải   | K68MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT         |
| 168 | 682583 | Đỗ Phạm Hoài      | Linh  | K68MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT         |
| 169 | 687846 | Đỗ Tuấn           | Tú    | K68MMTA  | TH03599 | Thực tập chuyên ngành ngành MMT         |
| 170 | 681408 | Trần Cảnh Gia     | Huy   | K68TTNTA | TH03698 | Thực tập chuyên ngành 1 ngành KHDL&TTNT |